

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thơm

Bà Đỗ Thị Ngọc Sanh

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng
6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Trịnh Duy K, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số 124B/1, ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị Kim C, sinh năm: 1990

HKTT: Số 124B/1, ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số nhà P3/068, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(*anh K, chị C vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án nguyên đơn anh Trịnh Duy K trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh K và chị C quen biết, tìm hiểu nhau khoảng
05 năm và tự nguyện kết hôn được UBND xã G, huyện Thống Nhất cấp giấy
chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2015.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng, do bất
đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xảy ra tranh cãi, nguyên
nhân chủ yếu là do chị C nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, mặt khác sau khi vợ
chồng về sống chung với gia đình chị C thì do áp lực công việc hàng ngày anh K
phải đi làm, đêm về còn phải phụ giúp gia đình chị C làm nghề ghệt mỡ heo nên
quá mệt mỏi, anh K nhiều lần nói với chị C nhưng chị C không lắng nghe ý kiến

của anh K từ đó vợ chồng cũng xảy ra tranh cãi. Vào năm 2019 chị C đã làm đơn ly hôn nhưng thời điểm đó anh vẫn còn thương chị C nên anh không đồng ý.

Đến cuối tháng 9 năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh đã về nhà cha mẹ đẻ sống. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, thực hiện quyền nghĩa của vợ chồng, vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người đó sống.

Nay anh K xác định không còn tình cảm với chị C nên anh yêu cầu ly hôn với chị C.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Khánh N – sinh ngày: 09/6/2016. Khi ly hôn anh K đồng ý giao con cho chị C trực tiếp nuôi con và anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hiện nay anh K làm công ty P, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng), anh đã nộp bằng lương cho Tòa án.

- **Về tài sản chung:** Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- **Về nợ riêng:** Không có.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh K quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 05 năm và tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2015 là đúng.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thường xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xảy ra nhiều tranh cãi. Nguyên nhân chủ yếu do anh K có biểu hiện không chung thủy, có người phụ nữ khác (thực tế như thế nào chị C khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với gia đình anh K nhưng sau khi chị C sinh con thì vợ chồng chuyển về sống cùng gia đình chị C, tuy nhiên anh K không lo lắng, quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng nhiều lần cãi vã nên từ tháng 10 năm 2019 đến nay anh K đã bỏ về nhà cha mẹ anh K sống. Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng chị C vẫn còn tình cảm với anh K và mong muốn vợ chồng cùng sống chung để nuôi dạy con chung và chị theo đạo công giáo nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Khánh N, sinh ngày: 09/6/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K, chị đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị đồng ý anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: Không có

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc Khánh N, sinh ngày: 09/6/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Trịnh Duy K khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Lê Thị Kim C có nơi cư trú tại: số nhà P3/068, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Kim C và anh Trịnh Duy K vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị C.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Về hôn nhân: Anh Trịnh Duy K và chị Lê Thị Kim C tự nguyện kết hôn có đăng ký và được UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2015 nên quan hệ hôn nhân anh K và chị C là hợp pháp.

Xét anh K yêu cầu ly hôn với chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh K và chị C thừa nhận thời gian chung sống cùng nhà cha mẹ đẻ chị C đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống.

Quá trình ly thân chị C cũng nhiều lần chủ động nói chuyện, khuyên nhủ anh K để vợ chồng đoàn tụ về chung sống nhưng anh K không đồng ý. Chị C thừa nhận không có biện pháp hòa giải để anh chị về chung sống nhưng chị không đồng ý ly hôn do chị là người có đạo và chị vẫn còn tình cảm với anh K.

Trong cuộc sống gia đình anh K, chị C đã thiếu sự yêu thương, quan tâm và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân,

nhều lần anh chị đã nói chuyện, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Tòa án đã nhiều lần hòa giải để kêu gọi anh chị về đoàn tụ gia đình nhưng anh K cương quyết ly hôn. Cho thấy hôn nhân giữa anh K và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K.

Xét về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung cháu Trịnh Ngọc Khánh N, sinh ngày: 09/6/2016. Ý kiến của anh K và chị C thống nhất thỏa thuận về việc chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Ngân cho chị C tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thông Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Duy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trịnh Duy K và chị Lê Thị Kim C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trịnh Ngọc Khánh N, sinh ngày: 09/6/2016. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10 năm 2020. Thời điểm chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh K được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm chuyển số tiền anh K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006045 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai sang nộp án phí, anh K còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh K, chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CC.THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã G, H. Thống Nhất
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc